TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50 /2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 -2023
"V/v Ly hôn giữa chị L và anh S"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

2. Ông **PHẠM TRUNG THÀNH**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 599/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01A/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1986.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn S**, sinh năm 1981.
Địa chỉ: A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh S xác lập quan hệ vợ chồng năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng thường hay cải nhau.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Tuyết L1, sinh ngày 22/10/2008 và Lê Nhựt T, sinh ngày 14/11/2011, hiện con chung đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị L xin được ly hôn anh S. Con chung chị yêu cầu nuôi, anh S cấp dưỡng theo qui định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L xác định không còn tình cảm với anh S nên kiên quyết ly hôn. Con chung chưa thành niên chị yêu cầu nuôi, anh S cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng/ con.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn S dù được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải và không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, anh S xác định còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi cả 02 con chung hoặc mỗi người nuôi 01 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. T hợp giao con chung cho chị L nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng/ con.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh S, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị L và anh S tiến đến hôn nhân năm 2007 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân từ ngày 01/7/2022 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh S thường hay đi nhậu nên vợ chồng thường xảy ra cự cải. Chị L xác định không còn tình cảm gì với anh S nên kiên quyết ly hôn. Đối với anh S không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về chính quyền địa phương không xác định được mâu thuẩn vợ chồng. Tuy nhiên, 02 con của anh chị trong bản trình bày nguyện vọng của mình đã trình bày anh S thường hay nhậu về đập phá đồ đạc, dọa giết chị L và các con. Từ đó cho thấy mâu thuẩn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị L được ly hôn với anh S là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Tuyết L1, sinh ngày 22/10/2008 và Lê Nhựt T, sinh ngày 14/11/2011. Chị L yêu cầu nuôi cả 02 con. Đối với anh S yêu cầu nuôi cả 02 con chung hoặc mỗi người nuôi 01 con chung. Xét thấy các con chung do chị L nuôi dưỡng từ lức ly thân đến nay cũng có cuộc sống ổn định, các cháu cũng có nguyện vọng sống cùng chị L, còn anh S đi làm giờ giấc không ổn định, tính tình còn nóng giận khó kiềm chế nên không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống cũng như xem xét đến nguyện vọng của con chung Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Tuyết L1 và Nhựt T cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị L yêu cầu anh S cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng/con, anh cũng đồng ý. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp qui định pháp luật nên ghi nhận.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Không có, không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Văn S.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Lê Thị Tuyết L1, sinh ngày 22/10/2008 và Lê Nhựt T, sinh ngày 14/11/2011 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng.

2.2. Cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn S cấp dưỡng nuôi 02 cháu Lê Thị Tuyết L1 và Lê Nhựt T mỗi tháng 1.000.000đồng/ con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010268 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh S chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về hướng dẫn thi hành án: T hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 02 năm 2023
Tại: Trụ sở Tòa án nhan dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông
Ông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 599/ 2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về " Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1986.
Địa chỉ: ấp Mỹ Trinh, xã Thiện Trung, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1981.
Địa chỉ: ấp ấp Mỹ Trinh, xã Thiện Trung, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 như sau: Căn cứ Điều 147, 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Văn S.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Lê Thị Tuyết L1, sinh ngày 22/10/2008 và Lê Nhựt T, sinh ngày 14/11/2011 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng.

2.2. Cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn S cấp dưỡng nuôi 02 cháu Lê Thị Tuyết L1 và Lê Nhựt T mỗi tháng 1.000.000đồng/ con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010268 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh S chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về hướng dẫn thi hành án: T hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội T Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc T hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.